

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119/2023/HSST
Ngày: 27/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phương; ông Nguyễn Văn Khoản

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2022/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/HSST-QĐ ngày 11/9/2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN HOÀNG TH, sinh năm 1985 tại Bình Phước, tên gọi khác: G; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; vợ: Quách Huyền L, sinh năm 1991 và con: Quách Bảo N, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) xử phạt 8.000.000đ về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2009/HSST; Ngày 20/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2012/HSST; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023 đến ngày 31/8/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

2. QUÁCH HUYỀN L, sinh năm 1991 tại Bạc Liêu, tên gọi khác: Nghi; HKTT: Ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, chỗ ở: Tổ 2, khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Con ông Quách Minh Đ, sinh năm 1960 và con bà Nhan Thị U, sinh năm 1961; chồng: Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1985 và con: Quách Bảo N, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Th có mặt, bị cáo Quách Huyền L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Ngọc Ch, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ 7, khu phố 2, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng).
2. Bà Dương Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 4, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).
3. Ông Hoàng Ngọc TIỀN, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 7, khu phố 2, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng).
4. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 2000; HKTT: Tổ 6, khu phố 4, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Khu phố T, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng).
5. Võ Văn G, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 8, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng).
6. Phạm Văn H2, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện N , tỉnh Bình Phước (xin vắng).
7. Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1988; HKTT: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Tổ 11, khu phố 1, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng Th và Quách Huyền L chung sống với nhau như vợ chồng.

Khoảng tháng 02 năm 2022, Th được cho mẹ ruột cho 500.000.000 đồng. Sau khi được bà C của cho tiền thì Th nảy sinh ý định cho vay tiền với mức lãi suất cao nhằm mục đích thu lợi. Từ tháng 02 năm 2022, Th cho những người có nhu cầu vay tiền để kinh doanh, buôn bán nhỏ hoặc vay để sử dụng vào mục đích cá nhân trên địa bàn huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) vay với hình thức trả tiền lãi hàng ngày. Th cho vay với các gói vay: 3.000.000 đồng, 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng,... và thu tiền lãi là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, bằng mức lãi suất từ 0,3%/ngày đến 03%/ngày, bằng 09%/tháng đến 90%/tháng, bằng từ 108%/năm đến 1.080%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 54 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Người vay trả tiền gốc, tiền lãi cho Th bằng tiền mặt hoặc với hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 060161898808 của L mở tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Để quản lý việc cho vay tiền, Th sử dụng 01 cuốn tập để ghi chép số người vay tiền, số tiền vay, tiền lãi, thời gian vay, trả tiền và L trực tiếp ghi nhận vào sổ sách, quản lý việc cho vay tiền. Số tiền lãi thu được của người vay được Th và L cùng nhau sử dụng để tiêu xài và tiếp tục cho vay.

Từ ngày 05 tháng 02 năm 2021 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, Nguyễn Hoàng Th và Quách Huyền L đã cho 05 người vay tiền của trên địa bàn thị xã Chơn Thành, cụ thể:

1. Bà Dương Thị T: từ ngày 15 tháng 7 năm 2022 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, bà T đã vay tiền của Th, L với hình thức trả tiền lãi ngày, cụ thể như sau:

- Ngày 15 tháng 7 năm 2022, vay 50.000.000 đồng, trả tiền lãi 1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 02%/ngày. Bà T đã trả tiền lãi cho Th được 30 ngày với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 50.000.000 đồng;

- Ngày 23 tháng 7 năm 2022, vay 20.000.000 đồng, trả tiền lãi 600.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 03%/ngày. Đến ngày 02 tháng 8 năm 2022, bà T trả cho 26.000.000 đồng, gồm tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng;

- Ngày 03 tháng 8 năm 2022, vay 10.000.000 đồng, trả tiền lãi 200.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 02%/ngày. Đến ngày 13 tháng 8 năm 2022, trả cho Th 12.000.000 đồng, gồm tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng;

- Ngày 14 tháng 8 năm 2022, vay 50.000.000 đồng và cộng với số tiền 50.000.000 đồng bà T đã vay vào ngày 15 tháng 7 năm 2022 nhưng chưa trả nên tổng số tiền nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 2.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 02%/ngày. Sau đó, vay thêm 10.000.000 đồng. Ngày 30 tháng 9 năm 2022, bà T trả cho Th 20.000.000 đồng tiền lãi;

- Ngày 15 tháng 8 năm 2022, vay 13.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 250.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 1,923%/ngày. Ngày 18 tháng 8 năm 2022, bà T trả 14.000.000 đồng, gồm tiền gốc 13.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng.

Ngày 12 tháng 11 năm 2022, Th và bà T thống nhất chốt số tiền mà bà T vay của Th là 110.000.000 đồng, trả lãi 2.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 1,818%/ngày. Do bà T không có khả năng trả tiền lãi nên đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, bà T đã trả được 15.000.000 đồng tiền lãi, vẫn nợ 110.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền Th, L cho bà T vay là 143.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 73.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 71.015.343 đồng và vẫn nợ 110.000.000 đồng TIỀN GỐC.

2. Ông Hoàng Ngọc Ch: từ tháng 3 năm 2022 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, ông Ch đã vay tiền của Th, L nhiều lần, cụ thể:

- Trong tháng 3 năm 2022: vay 30.000.000 đồng, trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày, trả tiền lãi được 04 tháng với tổng số tiền 10.800.000 đồng;

- Ngày 15 tháng 6 năm 2022: vay 70.000.000 đồng, trả tiền lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày, trả lãi được 01 tháng với số tiền 6.300.000 đồng;

- Ngày 20 tháng 6 năm 2022: vay 60.000.000 đồng, trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày, trả tiền lãi được 25 ngày với số TIỀN là 4.500.000 đồng;

- Ngày 03 tháng 7 năm 2022: vay 30.000.000 đồng, trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày nhưng ông Ch chưa trả tiền lãi;

- Ngày 10 tháng 7 năm 2022: vay 100.000.000 đồng, trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày nhưng ông Ch chưa trả tiền lãi.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, ông Ch và Th chốt số tiền ông Ch vay của Th tổng cộng là 290.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,3%/ngày. Ông Ch trả tiền lãi 02 tháng với tổng số tiền là 52.200.000 đồng và trả cho 80.000.000 đồng tiền gốc. Ông Ch còn nợ 210.000.000 đồng.

Tổng số tiền Th, L cho ông Ch vay là 290.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 73.800.000 đồng, thu lợi bất chính là 60.320.548 đồng và còn nợ 210.000.000 đồng tiền gốc.

3. Ông Hoàng Ngọc Tiền từ tháng 02 năm 2022 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, ông Tiền đã vay tiền của Th, L với hình thức trả tiền lãi theo ngày, cụ thể: trong tháng 02 năm 2022, ông Tiền vay 50.000.000 đồng, trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày. Ông Tiền đã đóng cho Th 03 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Sau đó, ông Tiền vay thêm nhiều lần với số tiền từ 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng cho mỗi lần vay. Tổng cộng số tiền vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày nhưng ông Tiền chưa đóng tiền lãi cho Th. Số tiền lãi đã thu là 13.500.000 đồng, thu lợi bất chính là 11.034.247 đồng và còn nợ 130.000.000 đồng tiền gốc.

4. Ông Võ Văn G: từ ngày 05 tháng 02 năm 2021 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, ông G đã vay tiền của Th, L nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 05 tháng 02 năm 2021: vay 5.000.000 đồng, tiền lãi phải trả 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày. Ông G trả lãi được 01 tháng với số TIỀN 450.000 đồng và trả 5.000.000 đồng tiền gốc;

- Ngày 30 tháng 5 năm 2021: vay 100.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,3%/ngày, trả lãi được 02 tháng với số tiền là 18.000.000 đồng;

- Ngày 27 tháng 02 năm 2022: vay 200.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 0,5%/ngày, trả tiền lãi được 01 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng. Ông G vẫn còn nợ Th tiền gốc là 300.000.000 đồng (bao gồm 100.000.000 đồng vay ngày 30 tháng 5 năm 2021).

Tổng số tiền mà Th, L cho ông G vay là 305.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 48.450.000 đồng, thu lợi bất chính là 41.792.466 đồng và còn nợ 300.000.000 đồng tiền gốc.

5. Ông Phan Thanh H: từ tháng 02 năm 2022 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, ông H đã vay tiền của Th, L nhiều lần, cụ thể:

- Trong tháng 02 năm 2022: vay 2.000.000 đồng, tiền lãi phải trả 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 02%/ngày. Ông H đã trả 01 tháng tiền lãi là 1.200.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền gốc;

- Ngày 02 tháng 4 năm 2023: vay 2.000.000 đồng, tiền lãi phải trả 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 02%/ngày. Ông H trả tiền 01 tháng tiền lãi là 1.200.000 đồng và trả 2.000.000 đồng tiền gốc;

- Ngày 25 tháng 5 năm 2023: vay 2.000.000 đồng, tiền lãi phải trả 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 02%/ngày. Ông H chưa trả tiền lãi và nợ 2.000.0000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền mà Th, L cho ông H vay là 6.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 2.400.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.334.247 đồng và còn nợ 2.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Hoàng Th, Quách Huyền L cho Dương Thị T, Hoàng Ngọc T1, Hoàng Ngọc Ch, Võ Văn G và Phan Thanh H vay là 874.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thu được là 211.100.000 đồng, thu lợi bất chính là 186.496.851 đồng

Kết luận giám định số 290/KL-KTHS(TL) ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: chữ viết trên mẫu vật gửi giám định là chữ viết của Quách Huyền L..

- Tam giữ, đề nghị xử lý vật chứng, tài sản: Thu giữ 33.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, 01 quyển sổ ghi chép việc vay tiền và giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Nguyễn Hoàng Th. Quá trình điều tra xác định: điện thoại di động nhãn hiệu Oppo là phương tiện để Th sử dụng thực hiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước; 33.000.000 đồng (trong đó, 5.000.000 đồng là tiền do bà T trả lãi cho Th ngày 27 tháng 6 năm 2023 và 28.000.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Th) là tiền của Th nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; riêng quyển sổ ghi chép việc cho vay và giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 11 năm 2022 là vật chứng nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Th và L đã nộp 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành để khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKS-HS ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Th, Quách Huyền L về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố đối với các và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, 38; Điều 50; 58, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Th mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Quách Huyền L mức án 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo qui định.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với các bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Từ ngày 05 tháng 02 năm 2021 đến ngày 27 tháng 6 năm 2023, Nguyễn Hoàng Th và Quách Huyền L đã cho cho Dương Thị T, Hoàng Ngọc T1, Hoàng Ngọc Ch, Võ Văn G và Phan Thanh H vay tiền với mức lãi suất từ 0,3%/ngày đến 03%/ngày, tương đương 09%/tháng đến 90%/tháng, tương đương từ 108%/năm đến 1.080%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 54 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Tổng số tiền Th và L đã cho vay là 874.000.000đ, thu lợi bất chính 186.496.851 đồng. Hành vi của Th, L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 118/CT-VKS-HS ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Th, Quách Huyền L về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo cho bà Dương Thị T, ông Hoàng Ngọc Ch vay tiền và thu lợi bất chính từng người trên 30.000.000đ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội hai lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã giao nộp tiền khắc phục một phần hậu quả. Các bị cáo là lao động chính của gia đình. Đối với bị

cáo L hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thời điểm phạm tội bị cáo L đang mang thai. Do đó, cần cho bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s,n khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo Th là người thực hành, Th là người nảy sinh ra ý định cho vay và trực tiếp cho vay tiền còn bị cáo L là người giúp sức cho Th trong việc quản lý việc cho vay tiền. Xét thấy, bị cáo Th từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Riêng bị cáo Quách Huyền L hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/ NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

[4.1]. Đối với khoản tiền gốc bị cáo Th và L dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể tổng số tiền: **874.000.000đ (tám trăm bảy mươi bốn triệu đồng)**

[4.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị truy thu để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu của bị cáo Th và L tổng số tiền: **24.653.149đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn một trăm bốn mươi chín đồng)**

[4.3]. Khoản tiền thu lợi bất chính 186.496.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm từ những người vay thì cần buộc bị cáo Th và L phải trả lại cho người vay.

Do những người vay còn nợ lại tiền gốc vay chưa trả, nên số tiền thu lợi bất chính sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc, và sau khi cân trừ mà người vay vẫn còn nợ lại tiền gốc thì sẽ bị truy thu nộp vào ngân sách nhà nước thay cho nghĩa vụ của bị cáo. Nếu sau khi cân trừ khoản tiền thu lợi bất chính vào số tiền nợ gốc người vay còn nợ mà còn dư hoặc người vay đã trả hết nợ gốc thì cần buộc bị cáo trả lại cho người vay. Cụ thể:

[4.3.1] Cần buộc người vay tiền nộp sung ngân sách nhà nước, tổng số tiền: 565.835.000đ cụ thể như sau:

+ Bà Dương Thị T phải nộp số tiền là 38.984.000 đồng (làm tròn số) (trong đó số tiền gốc còn nợ 110.000.000đ – 71.015.343 đ tiền thu lợi bất chính bị cáo đã nhận của bà T);

+ Ông Hoàng Ngọc Ch phải nộp số tiền là 149.679.000đ (làm tròn số)(trong đó số tiền gốc còn nợ 210.000.000đ – 60.320.548đ tiền thu lợi bất chính bị cáo đã nhận của ông Ch);

+ Ông Hoàng Ngọc T1 phải nộp số tiền là 118.965.000đ (làm tròn số) (trong đó số tiền gốc còn nợ 130.000.000đ – 11.034.247đ tiền thu lợi bất chính bị cáo đã nhận của ông T1);

+ Ông Võ Văn G phải nộp số tiền là 258.207.000đ (làm tròn số) (trong đó số TIỀN gốc còn nợ 300.000.000đ – 41.792.466đ tiền thu lợi bất chính bị cáo đã nhận của ông G)

Như vậy, từ các mục [4.1] [4.2] [4.3] thì bị cáo Th và L phải liên đới nộp ngân sách nhà nước số tiền: $\{(874.000.000đ + 24.653.000đ) - 565.835.000đ\} = 305.815.000đ$; theo qui định tại Điều 587 BLDS, trách nhiệm chính trong vụ án thuộc về bị cáo Th, nên buộc bị cáo Th phải chịu 2/3 số tiền này, bị cáo L chịu 1/3 là phù hợp, theo đó bị cáo Th phải nộp 203.876.000đ; bị cáo L phải nộp: 101.939.000đ, do bị cáo L đã nộp 50.000.000đ để khắc phục hậu quả chung với bị cáo Th, nên được khấu trừ mỗi bị cáo 25.000.000đ khi thi hành án.

[4.3.2] Cần buộc bị cáo Th và L có trách nhiệm liên đới trả lại cho người vay, cụ thể như sau:

Trả lại cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 334.000đ (làm tròn số) trong đó: bị cáo Th phải trả 222.600đ, bị cáo L phải trả 111.400đ.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Thu giữ 33.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, 01 quyển sổ ghi chép việc vay tiền và giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Nguyễn Hoàng Th. Quá trình điều tra xác định: điện thoại di động nhãn hiệu Oppo là phương tiện để Th sử dụng thực hiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; 33.000.000 đồng (trong đó, 5.000.000 đồng là tiền do bà T trả lãi cho Th ngày 27 tháng 6 năm 2023 và 28.000.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Th) là tiền của Th nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; quyển sổ ghi chép việc cho vay và giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 11 năm 2022 là vật chứng nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Số tiền 50.000.000đ bị cáo Th và L đã giao nộp theo biên lai thu tiền số 0004933 ngày 29/8/2023 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Th, Quách Huyền L phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, **điểm g khoản 1 Điều 52**; các điều 17,38; 50,58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, **tạm giam** từ ngày 27/6/2023 đến ngày 31/8/2023.

2.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s,n khoản 1,2 Điều 51, **điểm g khoản 1 Điều 52**; các điều 17,38; 50,58,65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Quách Huyền L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Quách Huyền L cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh là phương tiện để Th sử dụng thực hiện phạm tội.

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án quyền sở ghi chép việc cho vay và giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 11 năm 2022.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 33.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Th; số tiền 50.000.000đ bị cáo Th và L đã giao nộp theo biên lai thu tiền số 0004933 ngày 29/8/2023 để đảm bảo thi hành án.

3.2. Áp dụng nghị quyết 01/2021/ NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

3.2.1. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Th và Quách Huyền L có trách nhiệm liên đới nộp để sung ngân sách nhà nước tổng số tiền: 305.815.000đ (Ba trăm lẻ năm triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng) trong đó: bị cáo Th phải nộp 203.876.000đ; bị cáo L phải nộp: 101.939.000đ, (do bị cáo L đã nộp 50.000.000đ để khắc phục hậu quả chung với bị cáo Th, nên được khấu trừ mỗi bị cáo 25.000.000đ khi thi hành án).

3.2.2. Buộc người vay tiền nộp sung ngân sách nhà nước, tổng số tiền : 565.835.000đ (năm trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng) cụ thể như sau:

+ Bà Dương Thị T phải nộp số tiền là 38.984.000 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi tư ngàn đồng)

+ Ông Hoàng Ngọc Ch phải nộp số tiền là 149.679.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn đồng.)

+ Ông Hoàng Ngọc T1 phải nộp số tiền là 118.965.000 đồng (một trăm mười tám triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)

+ Ông Võ Văn G phải nộp số tiền là 258.207.000đ (hai trăm năm mươi tám triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng).

3.2.3. Buộc bị cáo Th và L có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 334.000 đ trong đó bị cáo Th phải trả 222.600đ, bị cáo L phải trả 111.400đ.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND TX Chơn Thành;
- CCTHADS TX Chơn Thành;
- CA TX Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Thiều – Nguyễn Đức Hoài

Nguyễn Đình Loan